

An Thi, ngày 06 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 09 /GPXD

I. Cấp cho Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Madoka (đại diện liên danh Công ty cổ phần Madoka – Công ty cổ phần CID Holdings – Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đô thị Hoàng Anh).

- Địa chỉ: 14 Kim Mã Thượng, phường Công Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Mã số doanh nghiệp: 0107917776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/07/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/08/2023.

- Người đại diện: Ông **Vũ Quang Lâm**, Chức vụ: Giám đốc.

II. Được phép xây dựng: Hạ tầng kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị mới phía Đông Nam thị trấn An Thi.

- Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng COTANA lập.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN – 00002639 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp ngày 09/9/2019 và ngày 29/7/2022; Giấy phép hoạt động điện lực số 11/GP-SCT do Sở Công thương thành phố Hà Nội cấp ngày 17/3/2023.

** Tổ chức, cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:*

- Tên đơn vị thẩm tra: Liên danh Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư và Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Việt Nam.

- Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư : Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00005593 do Cục quản lý hoạt động Bộ Xây dựng cấp ngày 01/11/2022; giấy phép hoạt động điện lực số 13/GP-SCT do Sở Công thương thành phố Hà Nội cấp ngày 06/5/2020.

- Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Việt Nam: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN-00002930 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp ngày 20/3/2023; giấy phép hoạt động điện lực số 123/GP-ĐTĐL do Cục điều tiết điện lực Bộ Công thương cấp ngày 19/5/2020.

- Tên, mã số chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra bộ môn giao thông: Ông Trịnh Anh Dũng, chứng chỉ hành nghề số HNT-00125799 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 14/12/2021;

- Tên, mã số chứng chỉ hành nghề của chủ trì thẩm tra bộ môn điện: Ông Nguyễn Hữu Vũ, chứng chỉ hành nghề số HNT-00093482 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 03/7/2020;

- Tên, mã số chứng chỉ hành nghề của chủ trì thẩm tra bộ môn cấp thoát

nước: Ông Lê Đăng Tuấn, chứng chỉ hành nghề số BXD-00124441 do Cục quản lý hoạt động Bộ Xây dựng cấp ngày 10/11/2021;

- Tên, mã số chứng chỉ hành nghề của chủ trì thẩm tra dự toán: Bà Cao Thị Dung Hoài, chứng chỉ hành nghề số HTV-00170059 do Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam cấp ngày 11/7/2023.

* Đơn vị phê duyệt thiết kế thi công xây dựng: Công ty cổ phần Madoka (đại diện liên danh Công ty cổ phần Madoka – Công ty cổ phần CID Holdings – Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đô thị Hoàng Anh) tại Quyết định số 068/QĐ-MADOKA ngày 19/10/2024 của Giám đốc Ban quản lý dự án về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị mới phía Đông Nam thị trấn Ân Thi.

a) Vị trí xây dựng: Trên khu đất được giao để thực hiện dự án của Công ty cổ phần Madoka (đại diện liên danh Công ty cổ phần Madoka – Công ty cổ phần CID Holdings – Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đô thị Hoàng Anh) thuộc thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

b) Tổng số công trình: 01 công trình (Hạ tầng kỹ thuật)

- Quy mô: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên khu đất có diện tích 99.146,69 m².

- Giải pháp xây dựng các hạng mục:

1. San nền, tường chắn

San nền trong khu vực chia lô bằng cát đen san nền, cao độ san nền theo đường đồng mức cao nhất +3.27, thấp nhất +3.19, chiều dày lớp san nền trung bình 1,63m (chưa bao gồm vét bùn, vét hữu cơ), đầm chặt đảm bảo độ chặt K= 0,90. Bờ bao bằng bao tải đất kích thước axbxbh= 50x50x30cm đắp phần chênh cao; gia cố phân nửa, cọc tre dài 3,0m khoảng cách 30cm/cọc. Khu cây xanh tập trung đắp đất hữu cơ tận dụng. Chân taluy hồ trung tâm dùng tường chắn đá học xây vữa XM mác 100 trên lớp đá dăm đệm và cọc tre D6-8cm.

2. Hệ thống giao thông

- Gồm 10 tuyến đường nội khu, tổng chiều dài L= 2.692,2m.

+ Tuyến số 1 từ N1-N18: Bn= 16,5m -17,3m, dốc ngang mặt đường hai mái i= 2%; Bm= 7,5m; vỉa hè 2 bên Bvh= 6,0m-6,8m+3,0m. Từ N18-N19 Bn= 16,5m, dốc ngang mặt đường hai mái i= 2%; Bm= 7,5m; vỉa hè 2 bên Bvh= 6,0+3,0m. Từ N19-N22 Bn= 11,5m, dốc ngang mặt đường hai mái i= 2%; Bm= 7,5m; vỉa hè 2 bên Bvh= 3,0m+1,0m.

+ Tuyến số 2,3,5 (đoạn từ nút N4-N3) 6,8,9: Bn= 15,5m, dốc ngang mặt đường hai mái i= 2%; Bm= 7,5m; vỉa hè 2 bên Bvh= 2x4,0m.

+ Tuyến số 5: Từ nút N9-N4: Bn= 13,5m, dốc ngang mặt đường hai mái i= 2%; Bm= 7,5m; vỉa hè 2 bên Bvh= 2,0+4,0m.

+ Tuyến số 7: Bn= 31,0m, dốc ngang mặt đường hai mái i= 2%; Bm= 15,0m; vỉa hè 2 bên Bvh= 2x8,0m.

+ Tuyến số 4,10: Bn= 20,5m, dốc ngang mặt đường hai mái i= 2%; Bm= 10,5m; vỉa hè 2 bên Bvh= 2x5,0m.

+ Trắc dọc đường: Độ dốc dọc giao thông nhỏ và đầu nối êm thuận với đường ĐT.386 (tuyến 4,7) với ĐT.376 (cũ) tuyến 10.

- Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới như sau:

+ Bê tông nhựa chặt 12.5, dày 7cm (BTNC 12.5).

+ Tưới nhựa nhũ tương nhựa đường axit thấm bảm 1,0 kg/m².

+ Móng cấp phối đá dăm lớp trên (loại I), dày 15cm.

+ Móng cấp phối đá dăm lớp dưới (loại II), dày 25cm.

+ Lớp cát đen đầm chặt K= 0,98 dày 50cm.

+ Lớp cát đen đầm chặt K= 0,95.

- Kết cấu vỉa hè từ trên xuống dưới như sau:

+ Lát gạch BTXM giả đá mác 500 dày 5cm.

+ Vữa xi măng M100 dày 2cm.

+ Lớp BTXM lót móng mác 150 dày 10cm.

+ Lớp nilon ngăn cách.

- Tường chắn (Phía bên trái tuyến 10 từ Km0+10,4 – Km0+78,9): Kết cấu tường xây gạch không nung vữa XM mác 75 cao trung bình 0,8m, giạt cấp từ 440mm (cao 0,49m), 330mm (cao 0,49m), 220mm (cao 0,35m); đệm lót móng BTXM mác 150 đá 2x4 dày 10cm.

- Bãi đỗ xe: Tổng diện tích khoảng 2.989,52m², kết cấu bãi đỗ xe gồm lớp cát đầm chặt K95 dày 30cm, lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm, Gạch có lỗ trống cỡ dày 8cm, gạch bê tông giả đá. Bố trí cây xanh chia ô đỗ xe.

- Bó vỉa, đan rãnh:

+ Với vỉa hè dọc tuyến phố có nhà dân: Sử dụng bó vỉa vát kích thước 18x30cm, chênh cao đỉnh bó vỉa và mép đan rãnh là 13cm; vật liệu bằng BTXM giả đá, bề mặt tạo nhám, viên vỉa dài 1m với đoạn đường thẳng và 0,25m với đoạn đường cong. Đan rãnh trên tuyến chính dùng BTXM giả đá kích thước 30x50x5cm.

+ Với vỉa hè dọc tuyến phố không có nhà dân: sử dụng bó vỉa đứng kích thước 18x22cm, chênh cao đỉnh bó vỉa và mép đan rãnh là 15cm; vật liệu bằng BTXM giả đá, viên vỉa dài 1m với đoạn đường thẳng và 0,25m với đoạn đường cong. Đan rãnh trên tuyến chính dùng BTXM giả đá kích thước 30x50x5cm.

+ Bó vỉa vuốt nổi, bó vỉa hạ hè sử dụng BTXM giả đá với kích thước phù hợp với từng loại bó vỉa vát, bó vỉa đứng.

+ Trên bề mặt vỉa hè bố trí tấm lát dẫn hướng cho người tàn tật tiếp cận, tại những vị trí có kẻ vạch đi bộ qua đường bố trí hạ hè theo QCVN 10-2014-BXD

- Bó gáy vỉa hè sử dụng BTXM M250.

- Hành lang kỹ thuật sau nhà có kết cấu như sau:

+ Lát gạch bê tông giả đá KT 10x20cm dày 5cm

- + Vữa xi măng M100 dày 2cm
- + Móng bê tông M150 dày 10cm
- + Lớp nilon ngăn cách
- + Nền đã san lấp K90.

- An toàn giao thông: Bố trí biển báo, sơn vạch kẻ đường theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41/2019; màng phản quang dành cho báo hiệu đường bộ theo TCVN7887:2018; gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế theo TCCS 34: 2020/TCĐBVN.

3. Hệ thống cấp nước

3.1. Mạng lưới cấp nước

- Nguồn cấp nước lấy từ Nhà máy nước sạch thị trấn Ân Thi; vị trí đầu nối với tuyến ống phân phối trên trục đường ĐT.376 cũ phía Tây Bắc của dự án.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế dưới dạng vòng và mạng cụt, nước sinh hoạt và sản xuất kết hợp nước chữa cháy; đường ống chôn dưới vỉa hè, tuyến ống phân phối sử dụng ống HDPE D160, D110, tuyến ống dịch vụ cấp nước đến các hộ gia đình HDPE D75, D63. Trên các tuyến ống phân phối bố trí các trụ cứu hỏa đảm bảo khoảng cách giữa các trụ không quá 120m để cấp nước chữa cháy cho toàn bộ dự án.

3.2. Trạm bơm cấp nước và bể chứa nước phòng cháy chữa cháy

a) Bể chứa nước phòng cháy chữa cháy

Bể dự trữ nước sạch dung tích 350m³, bể chìm, kích thước axb=19x7,5m; kết cấu thành, móng, mặt bể BTCT toàn khối mác 300, đệm lót móng BTXM mác 100, phần đài móng đóng cọc BTCT D350, chiều dài cọc dự kiến 23m; mặt bể lát gạch bê tông giả đá; thành trong quét chống thấm bằng vật liệu thích hợp.

b) Trạm bơm cấp nước phòng cháy chữa cháy

Trạm bơm cấp nước phòng cháy chữa cháy 01 tầng đặt trên bể nước PCCC, diện tích xây dựng khoảng 22m² (kích thước 5,22x4,22m); Kết cấu thân sử dụng hệ khung cột, dầm BTCT mác 250; tường xây gạch không nung vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75; mái bằng BTCT mác 250 có seno thoát nước.

c) Cổng, tường rào

- Trụ cổng kích thước axb= 0,22x0,22m; kết cấu tường và móng BTCT mác 200.

- Cánh cổng sử dụng hệ khung sắt hộp sơn chống rỉ.

- Tường rào: Kết cấu tường và móng xây gạch đặc vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75; bố trí trụ tường rào kích thước 220x330 khoảng cách 4,5m/1 trụ.

4. Hệ thống thoát nước thải

4.1. Mạng lưới thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải đặt dưới vỉa hè, sử dụng cống BTCT D300 thu gom toàn bộ nước thải trong dự án và đầu nối và đầu nối vào trạm xử lý nước thải được xây dựng trong khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án.

- Hồ ga thăm kích thước $a \times b = 1,3 \times 1,3 \text{m}$; kết cấu tường và đáy móng BTCT mác 250, đệm lót móng đá dăm 2×4 ; nắp đáy tấm đan BTCT đá mác 250 kết hợp nắp ga bằng vật liệu thích hợp.

4.2. Trạm xử lý nước thải

- Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất $250 \text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Quy trình xử lý nước thải: Bể gom $\rightarrow$ Bể tách dầu mỡ $\rightarrow$ Bể điều hoà $\rightarrow$ Bể thiếu khí $\rightarrow$ Bể MBBR $\rightarrow$ Bể hiếu khí $\rightarrow$ Bể lắng sinh học $\rightarrow$ Bể trung gian $\rightarrow$ Cột lọc áp lực $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Kênh tiêu Bình Trị phía Bắc dự án.

- Yêu cầu chất lượng nước sau xử lý: Phải lấy mẫu nước thải sau xử lý làm thí nghiệm đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, kết quả thí nghiệm nước sau xử lý phải đạt theo quy chuẩn QCVN 01:2019/HY ($K=1$; $K_{hy}=0,9$).

* Các hạng mục công trình trong trạm xử lý

a) Cụm bể xử lý

- Cụm bể xử lý hợp khối kích thước $a \times b = 17,1 \times 10,15 \text{m}$, bể chìm gồm các bể: bể gom, bể tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể MBBR, bể hiếu khí, bể lắng sinh học, bể trung gian, bể khử trùng, bể chứa bùn.

- Kết cấu thành và đáy móng BTCT mác 300; đệm lót móng BTXM mác 100, các đài móng đóng cọc BTCT D350, chiều dài cọc dự kiến 19m; thành trong và đáy bể quét lớp vật liệu chống thấm.

b) Cột lọc áp lực

Cột lọc hình trụ tròn kích thước $d \times h = 1,2 \times 2,5 \text{m}$; thành, đáy và nắp bồn kết cấu inox SUS304; bên trong bể chứa sỏi đỡ, cát thạch anh và than hoạt tính làm tầng lọc.

* Các hạng mục phụ trợ

a) Nhà điều hành

- Giải pháp kiến trúc: Nhà điều hành 02 tầng mái bằng có senô thoát nước, gồm tầng hầm diện tích xây dựng khoảng $87,9 \text{m}^2$ (kích thước $14,0 \times 6,28 \text{m}$) và tầng 1 khoảng $33,9 \text{m}^2$ (kích thước $5,42 \times 6,25 \text{m}$).

- Giải pháp kết cấu:

+ Tầng hầm kết cấu thành và đáy móng BTCT mác 300; đệm lót móng BTXM mác 100, các đài móng đóng cọc BTCT D350, chiều dài cọc dự kiến 19m; thành trong và đáy bể quét lớp vật liệu chống thấm.

+ Tầng 1 kết cấu hệ khung cột, dầm, sàn BTCT mác 250; tường tường bao và tường ngăn xây gạch đặc vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75.

b) Cổng, tường rào

- Trụ cổng kích thước $a \times b = 0,22 \times 0,22 \text{m}$; kết cấu tường và móng BTCT mác 200. Cánh cổng sử dụng hệ khung sắt hộp sơn chống gỉ.

- Tường rào: Kết cấu tường và móng xây gạch không nung vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75; bố trí trụ tường rào khoảng cách $4,5 \text{m}/1 \text{ trụ}$.

c) Sân đường nội bộ, cổng tường rào

Sân đường nội bộ kết cấu đường từ trên xuống dưới như sau:

- Lớp gạch bê tông giả đá mác 500.

- Lớp BTXM mác 250 dày 15cm.

d) Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện cho trạm xử lý được lấy từ trạm biến áp hạ tầng kỹ thuật.

- Dây cáp cấp điện tới tủ điện tổng bằng cáp ngầm 0,6kV-Cu/PVC/XLPE/DSTA/PVC; tới các thiết bị bằng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC có tiết diện phù hợp với công suất thiết bị.

5. Hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT đúc sẵn D600, D800, D1000, D1200 thu nước mưa của dự án sau đó thoát vào cửa xả mương hiện trạng phía Đông Bắc dự án; cống đặt trên đế cống BTCT đúc sẵn.

- Nước mưa của dự án được thu trực tiếp hai bên đường bằng hố thu và hố ga thu thăm kết hợp, nước từ hố thu chảy vào hố ga thu thăm kết hợp qua cống tròn BTCT.

- Cấu tạo hố thu nước, hố ga thăm:

+ Hố thu nước: kích thước $a \times b = 0,73 \times 1,16 \text{m}$; kết cấu tường và đáy móng BTCT đúc sẵn mác 250, đệm lót móng đá dăm 2×4 ; nắp đáy tấm chắn rác bằng vật liệu thích hợp.

+ Hố ga thăm: kích thước $a \times b = 1,3 \times 1,3 \text{m}$ (D600); $1,5 \times 1,6 \text{m}$ (D800); $1,5 \times 1,8 \text{m}$ (D1000); $1,6 \times 2,1 \text{m}$ (D1200); kết cấu tường và đáy móng BTCT mác 250, đệm lót móng đá dăm 2×4 ; nắp đáy tấm đan BTCT mác 250 kết hợp nắp ga bằng vật liệu thích hợp.

- Hoàn trả các kênh tưới tiêu thủy lợi, các chỉ tiêu kỹ thuật theo thỏa thuận với cơ quan quản lý liên quan, lý trình cụ thể như sau:

STT	Tên kênh	Lý trình kênh	Hình thức hoàn trả
1	Kênh tưới N2	Km0+00=Km0+078	Cống hộp 1,2x1,2m
2	Kênh N2-2	Cống đầu kênh	Cống tròn D1000
3	Kênh tưới N3	Km0+00-Km0+035	Cống hộp 3x1,5m
4		Km0+035-Km0+369	Mương hở hình thang, Bđáy=6m
5	Kênh tưới N3-2, N3-4, N3-6	Cống đầu kênh	Cống tròn D1000
6	Kênh N3.1	Km0+00-Km0+023	Cống hộp 1,2x1,2m
7		Km0+023-Km0+146	Mương hở hình thang, Bđáy=1,2m
8		Km0+146-Km0+236	Cống hộp 1,2x1,2m
9	Kênh tưới trạm bơm Bình Trì	Km0+405-Km0+426	Cống hộp 1,2x1,2m

- Giải pháp kết cấu:

+ Công tròn: Sử dụng ống cống BTCT đúc sẵn (tải trọng HL93) đặt trên lớp đá hộc xây vữa XMCV mác 100, đệm lót móng đá dăm 2x4; đệm lót móng đá dăm đầm chặt; gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; tường đầu, tường cánh, sân cống đá hộc xây vữa XMCV mác 100, đệm lót móng đá dăm 2x4, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

+ Công hộp BTCT 1,2x1,2m: Sử dụng cống BTCT đúc sẵn đặt trên lớp đá hộc xây vữa XMCV mác 100, đệm lót móng đá dăm 2x4, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; tường đầu, tường cánh, sân cống đá hộc xây vữa XMCV mác 100, đệm lót móng đá dăm 2x4, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

+ Công hộp BTCT 3x1,5m: Kết cấu BTCT đổ tại chỗ mác 300 đặt trên lớp đá hộc xây vữa XMCV mác 100, đệm lót móng đá dăm 2x4, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; tường đầu, tường cánh, sân cống đá hộc xây vữa XMCV mác 100, đệm lót móng đá dăm 2x4, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

+ Mương hở: Dốc mái taluy $m=1$; kết cấu thành mương BTXM mác 200 có gia cường lớp lưới thép B40 trên lớp đất đầm chặt $K=0,9$; chân khay đá hộc xây vữa XMCV mác 100, đệm lót móng đá dăm 2x4, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

6. Hệ thống cấp điện

a) Điện trung thế

- Xây dựng mới 03 trạm biến áp kiểu Kios với tổng công suất là 1.460kVA để cấp điện cho toàn bộ dự án. Trong đó:

+ Trạm biến áp TBA-01 công suất 200kVA đặt ở khu đất Dịch vụ thương mại DVTM-01 cấp điện cho khu Dịch vụ thương mại 01 thuộc lô đất DVTM-01.

+ Trạm biến áp TBA-02 công suất 630kVA đặt ở khu đất cây xanh CX-13 cấp điện cho các khu nhà ở liền kề LK-01 đến LK-06, LK-25 đến LK-40, công trình nhà văn hoá, trường mầm non, khu đất hạ tầng kỹ thuật HTKT-01 và tủ chiếu sáng số 01.

+ Trạm biến áp TBA-03 công suất 630kVA đặt ở khu đất cây xanh CX-03 cấp điện cho các khu nhà ở liền kề LK-07 đến LK-24, khu nhà ở biệt thự BT-01 đến BT-03, khu Dịch vụ thương mại 02 thuộc lô đất DVTM-02, khu đất hạ tầng kỹ thuật HTKT-02 và tủ chiếu sáng số 02.

- Nguồn điện cấp cho trạm biến áp TBA-03 lấy từ tuyến ĐDK trung thế 22kV lộ 475-E28.2 tại cột điện số 133 cách khoảng 314m, nguồn điện cấp tới trạm biến áp TBA-01 lấy từ trạm biến áp TBA-03 cách khoảng 107m, nguồn điện cấp tới trạm biến áp TBA-02 lấy từ trạm biến áp TBA-01 cách khoảng 230m. Toàn bộ cáp điện cấp tới các trạm biến áp sử dụng cáp ngầm 24kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x120mm², cáp được luồn trong ống nhựa HDPE D160/125mm, đoạn qua đường luồn trong ống thép D200 chôn ngầm

dưới đất, trên có đặt gạch chỉ đặc bảo vệ và lớp băng bảo hiệu cáp ngầm. Trên mặt đặt các mốc bảo hiệu cáp ngầm bằng sứ khoảng cách 10m/mốc.

b) Điện hạ thế

- Cáp ngầm từ tủ điện tổng hạ thế đặt tại các trạm biến áp đến các tủ phân phối sử dụng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện (3x50+1x35) mm², (3x95+1x70)mm², (3x120+1x95)mm², (3x150+1x120)mm², (3x185+1x150)mm² và (3x240+1x185)mm². Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE đường kính tương ứng với tiết diện cáp đảm bảo $D_{\text{ống}} \geq 1,5 D_{\text{cáp}}$ chôn ngầm dưới đất, trên có đặt lớp gạch chỉ đặc bảo vệ và lớp băng bảo hiệu cáp ngầm.

- Cáp điện cho các hộ dân sử dụng tủ điện hộ dân kích thước: axbxc=800x500x1.250mm làm bằng tôn dày 1,5mm, sơn tĩnh điện màu ghi sáng. Trong tủ lắp đặt các áp tô mát hộ dân 250V-63A và trước mỗi nhánh lắp áp tô mát 3 pha để bảo vệ an toàn điện áp. Từ tủ điện hộ dân đến các hộ dân chôn sẵn ống nhựa xoắn HDPE D50/40 chờ luồn cáp điện tới các hộ dân (công tơ đo đếm điện năng đặt tại các hộ dân). Bộ đỡ tủ hộ dân kích thước: axbxc=850x550x1.100mm đổ bằng bê tông đá 1x2 mác 200 có chôn sẵn bộ khung móng bu lông M10x700 chờ bắt tủ. Bộ đỡ tủ hộ dân đặt chủ yếu tại các ô đất cây xanh trong dự án (đảm bảo mỹ quan), mặt bộ tủ cao hơn vỉa hè 500mm và được ốp gạch nung màu đỏ hồng.

- Cáp điện cho công trình công cộng (Nhà văn hoá, trường mầm non, dịch vụ thương mại, hạ tầng kỹ thuật) sử dụng tủ điện công cộng kích thước: axbxc=600x350x1.000mm làm bằng tôn dày 1,5mm, sơn tĩnh điện màu ghi sáng. Trong tủ lắp đặt áp tô mát 3 pha 250V-250A. Bộ đỡ tủ công cộng kích thước: axbxc=650x400x1.100mm đổ bằng bê tông đá 1x2 mác 200 có chôn sẵn bộ khung móng bu lông M10x700 chờ bắt tủ. Bộ đỡ tủ công cộng đặt tại góc khu đất công trình công cộng, mặt bộ tủ cao hơn vỉa hè 500mm và được ốp gạch nung màu đỏ hồng.

- Tại mỗi vị trí tủ lắp đặt một bộ tiếp địa RLL và tiếp địa an toàn, tiếp địa sử dụng cọc chữ L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{\text{td}} \leq 4\Omega$ trong mọi thời tiết.

c) Điện chiếu sáng

- Chiếu sáng đường phố bố trí ở một bên đường, riêng tuyến đường T7 có bề rộng mặt đường 15,0m bố trí chiếu sáng ở 2 bên đường kiểu đối xứng. Sử dụng cột đèn chiếu sáng tròn cân đơn rời cân (cân cao 2,0m, vưon 1,5m). Với tuyến đường T4 và T10 có bề rộng mặt đường 10,5m bố trí cột đèn cao 11,0m (cả cân), lắp đèn Led 230V/150W, khoảng cách giữa các cột đèn là 35m/1 cột; với các tuyến đường còn lại bố trí cột đèn cao 8,0m (cả cân), lắp đèn Led 230V/100W, khoảng cách giữa các cột đèn là 30m/1 cột. Móng cột đèn kích thước 0,7x0,7x0,8m (cột cao 8,0m) và 0,8x0,8x1,0m (cột cao 11,0m), đổ bê tông mác 200 có chôn sẵn khung móng M24x300x300x675 chờ bắt cột đèn.

- Cáp từ tủ điện hạ thế tổng đặt tại trạm biến áp xây dựng mới ở trên tới tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x16mm²; từ tủ chiếu sáng tới các bảng điện cột đèn dùng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện 4x10mm² và 4x6mm². Cáp được luồn

trong ống nhựa xoắn HDPE D65/50 chôn ngầm dưới đất, trên có đặt lớp gạch đặc bảo vệ và lớp băng bảo hiệu cáp ngầm; từ bảng điện cột đèn lên đèn dùng dây 0,6kV-Cu/PVC/PVC-3x1,5mm².

- Sử dụng 02 tủ điều khiển chiếu sáng kích thước axbxc=350x600x1.200mm đặt ở gần các trạm biến áp xây dựng mới ở trên (Tủ TĐ-CS1 đặt gần trạm biến áp TBA-02 và tủ TĐ-CS2 đặt gần trạm biến áp TBA-01). Tủ dùng Role thời gian, có chế độ điều khiển đóng ngắt tự động và bán tự động, tiết kiệm năng lượng; thời gian đóng cắt có thể điều chỉnh theo yêu cầu. Móng tủ kích thước axbxc=400x600x1.300mm đổ bê tông mác 200 chôn sẵn bộ khung móng thép M16x650 chờ bắt tủ; mặt bệ tủ cao hơn vỉa hè 500mm và ốp gạch thẻ màu đỏ.

- Tại mỗi vị trí tủ, cột đèn chiếu sáng lắp đặt một bộ tiếp địa an toàn R1C đảm bảo điện trở $\leq 10\Omega$ và lắp đặt 01 bộ tiếp địa lắp lại R3-C (trung tính) với khoảng cách khoảng 200m, các cột được nối tiếp liên hoàn bằng dây đồng trần M10 đảm bảo đảm bảo điện trở $\leq 4\Omega$ trong mọi thời tiết.

7. Hệ thống thông tin liên lạc

Xây dựng tuyến ống ngầm, hố ga hỗ trợ việc luân cáp thông tin đến các hộ dân. Toàn bộ hệ thống thông tin liên lạc như dây truyền công nghệ, các dịch vụ cung cấp được đầu tư xây dựng khi hộ dân có nhu cầu. Cụ thể như sau:

- Chôn ngầm 02 ống nhựa uPVC D110 dưới vỉa hè các tuyến đường chờ luân cáp thông tin tới đầu các dãy nhà, riêng đoạn đầu tuyến đầu nối từ dịch vụ nhà mạng vào trong dự án sử dụng 04 ống uPVC D110. Đoạn từ đầu dãy nhà vào mỗi hộ dân chôn ngầm ống nhựa xoắn HDPE D32/25 (mỗi nhà 1 ống).

- Xây hố ga tại những vị trí chuyển hướng cáp kích thước axbxc=0,8x0,8x0,77m; kết cấu BTCT đá 1x2 mác 200 thành và đáy dày 10cm đặt trên lớp đá dăm đệm 2x4 dày 5cm; nắp đậy bằng thép tấm kích thước 690x690mm dày 5mm trên lát gạch giống kết cấu vỉa hè; có để lỗ thao tác ở 2 đầu để tiện cho việc lắp đặt và tháo dỡ.

8. Cây xanh, cảnh quan

a) Cây xanh trên vỉa hè: Dọc trên vỉa hè khoảng cách 8,0÷16,0m ranh giới giữa 2 hộ dân trồng một cây xanh đô thị (đường kính thân 13-15cm, cao $\geq 3,0$ m); hố trồng cây kích thước lọt lòng 1,0x1,1m đặt sát đường giao thông, tận dụng gạch lát vỉa hè làm tường bó hố trồng cây, tường bó còn lại bằng viên gạch lát hè rộng 10cm, mặt hố trồng cây cao bằng vỉa hè.

b) Cây xanh, cảnh quan: Dự án có khu đất CX-01 (S= 1.170,7m²); CX-03 (S=435,4m²); CX-13 (S=647,06m²); CX-25 (S=885,83m²) bên trong bố trí các tuyến đường dạo, sân chơi, dụng cụ tập thể dục thể thao, trồng cây xanh thân gỗ với mật độ thích hợp, xen kẽ trồng cây bụi, thảm cỏ tạo cảnh quan, bóng mát và điểm nhấn cho dự án.

c) Khe đất giữa 2 dãy nhà và vị trí khác: Trồng cây xanh với mật độ thích hợp, xen kẽ trồng cây bụi, thảm cỏ, tượng đài tạo cảnh quan, bóng mát và điểm nhấn cho dự án.

(Chi tiết có bản vẽ kèm theo)

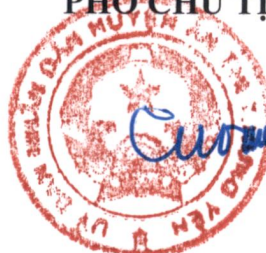
III. Giấy tờ về đất đai: Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất, cho thuê đất tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi cho Công ty cổ phần Madoka (đại diện liên danh Công ty cổ phần Madoka – Công ty cổ phần CID Holdings – Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đô thị Hoàng Anh) để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị mới phía Đông Nam thị trấn Ân Thi; Biên bản bàn giao đất hạ tầng kỹ thuật dự án.

IV. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. 

Nơi nhận: 

- Như mục 1;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng KT&HT huyện;
- UBND thị trấn Ân Thi;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Cường

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số /GPXD ngày / /2024
của UBND huyện Ân Thi)

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

(Ký tên, đóng dấu)